

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28- 4-2025

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**

Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Đào** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Khu 17, xã H, huyện T, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Khu 17, xã H, huyện T, tỉnh P.

(Chị T và anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H ngày 10/4/2006, hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh chị sống chung. Tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 5 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng về quan điểm sống và đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn H xác định vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 03/12/2006 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 25/3/2014.

Ly hôn chị đề nghị cháu K đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết,

còn cháu D chỉ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng không yêu đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản cho vay, công nợ và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T đề nghị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn – anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T ngày 10/4/2024, hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh chị sống chung tình cảm ban đầu vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc đến ngày 24 tháng 5 năm 2024 anh đi làm về vợ chồng có tranh luận to tiếng với nhau rồi chị T bỏ nhà đi đến ngày 06 tháng 6 anh nhận được tin chị T viết đơn xin ly hôn với anh được Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy thông báo. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh, anh hoàn toàn đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T xác định vợ chồng có 2 con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 03/12/2006 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 25/3/2014.

Ly hôn anh đề nghị cháu K đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu D để chị T nuôi anh không phải cấp dưỡng nuôi con còn nếu chị T không nuôi, anh nuôi con không cần chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Nguyễn Văn H đề nghị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đang cư trú tại huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, do đó Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn H theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Vụ án dân sự không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ không tham gia phiên tòa là đúng quy định.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau ngày 10/4/2006, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh P. Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, anh H đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh H hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đã sống ly thân nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có 2 con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 03/12/2006 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 25/3/2014. Ly hôn cháu Nguyễn Trung K đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị T đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu D và không yêu cầu anh H phải đóng góp nuôi con cùng chị. Anh H cũng nhất trí để chị T nuôi cháu D còn nếu chị T không nuôi anh xin nuôi con và không cần chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Tại bản tự khai của cháu D nguyện vọng xin được ở với mẹ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H giao cháu Nguyễn Ngọc D cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định, do các bên thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên chỉ phải chịu 50% án phí.

[3] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H có 2 con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 03/12/2006 và cháu Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 25/3/2014. Ly hôn cháu Nguyễn Trung K đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Giao cháu Nguyễn Ngọc D cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu D thành niên.

Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T vì chị T không yêu cầu.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0003886 ngày 03 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Anh Nguyễn Văn H phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thủy

